TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiển

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Kiển - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; Căn cước công dân số 096087001886 cấp ngày 30/10/2023 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Thu Đ1, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau; Chứng minh nhân dân số 231445501cấp ngày 06/3/2001 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Thu Đ1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, nay là xã T, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, thường xảy ra cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với bà Đ1. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/4/2010 và Nguyễn Minh H1 sinh ngày 19/3/2016 hiện đang sống cùng bà Đ1. Khi ly hôn ông thống nhất việc bà Đ1 tiếp tục nuôi dưỡng hai

con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Võ Thị Thu Đ1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc xin ly hôn với bà Võ Thị Thu Đ1; về con chung: giao Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/4/2010 và Nguyễn Minh H1 sinh ngày 19/3/2016 cho bà Đ1 tiếp tục chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Võ Thị Thu Đ1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị Thu Đ1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/11/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, nay là xã T, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà Đ1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Đ1 do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục.

Đối với bà Đ1, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Đ. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Đ1 đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc xin ly hôn với bà Đ1.

[3] Về con chung:

Ông Đ và bà Đ1 có 02 con chung tên Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/4/2010 và Nguyễn Minh H1 sinh ngày 19/3/2016. Tại biên bản ngày 23/01/2026, Trưởng ấp nơi cư trú của ông Đ và bà Đ1 xác định cháu Nhật H và cháu Minh H1 đã cùng bà Đ1 đi khỏi địa phương nên Tòa án không thể ghi nhận được nguyện vọng của các cháu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho bà Đ1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Đ xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Đ1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông Đ. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ xin ly hôn với bà Võ Thị Thu Đ1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/4/2010 và cháu Nguyễn Minh H1 sinh ngày 19/3/2016 cho bà Đ1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0005591 ngày 01/12/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Đ, bà Đ1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý